

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 15 - 4 - 2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đẹp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Danh On;
Bà Ngô Hồng Xuân.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Thái Kim Phương - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa:* Bà Lê Huyền Mao - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2021/TLST–HNGĐ, ngày 24 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST–HNGĐ, ngày 07 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Bé D**, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp NC, xã VL, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt có đơn).

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn U**, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp NC, xã VL, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2017, chị D và anh U có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc, sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VL, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 12/7/2017. Trong thời gian đầu, vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nhiều lần anh U chửi và đuổi chị D về nhà cha mẹ ruột chị D sống, sau đó anh U năn nỉ nên chị D tha thứ nhưng anh U vẫn không thay đổi, chị D, anh U đã ly thân với nhau khoảng 01 năm cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị D yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Út.

Về quan hệ con chung: Chị D xác định trong quá trình chung sống, giữa chị và anh U có một đứa con chung tên Nguyễn Thị Tuyết Băng, sinh ngày 22/02/2018, hiện tại cháu Tuyết Băng sống chung với chị D. Nay chị D yêu cầu được nuôi con nhưng không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị D không có yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/01/2022 bị đơn anh Nguyễn Văn Utrình bày: Anh U và chị D có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc, sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VL, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 12/7/2017. Trong quá trình chung sống giữa anh U và chị D không có mâu thuẫn mà do có sự tác động của bên vợ kêu vợ về nhà mẹ vợ sống và vợ nghe lời nên vợ chồng cự cãi và vợ đã về nhà cha mẹ vợ sống từ tháng 10/2021 đến nay. Nay chị D yêu cầu xin ly hôn với anh U thì anh U không đồng ý, anh yêu cầu hàn gắn.

Về con: Anh U và chị D có một con chung tên Nguyễn Thị Tuyết Băng, sinh ngày 22/02/2018, hiện tại cháu Tuyết Băng đang sống chung với chị D. Nay chị D yêu cầu nuôi con nhưng không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con thì anh U không đồng ý, anh U yêu cầu được nuôi con nhưng không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh U không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh U không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Bé D được ly hôn với anh Nguyễn Văn Út

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Tuyết Băng, sinh ngày 22/02/2018 cho chị Nguyễn Thị Bé D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh U không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu nhưng anh có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Bé D và anh Nguyễn Văn Út không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Bé D có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch số tiền 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Bé D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn U và yêu cầu giải quyết về con chung nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về “Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con” là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Văn U cư trú tại ấp NC, xã VL, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé D tuy rằng vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị Bé D. Bị đơn anh Nguyễn Văn U vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn Út.

Về nội dung:

[1] Về mối quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bé D và anh Nguyễn Văn U có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện vào năm 2017 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Hòa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 12/7/2017 nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Theo chị D xác định thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau. Sau đó phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã, gia đình mất hạnh phúc và đã sống ly thân với nhau khoảng 01 năm. Anh U thường hay chửi và đuổi chị về nhà cha mẹ ruột, chị đã bỏ đi rất nhiều lần. Sau đó anh U năn nỉ nên chị tha thứ nhưng anh U lại tiếp tục không thay đổi. Còn theo anh U xác định giữa hai vợ chồng không có mâu thuẫn mà là do có sự tác động của bên vợ kêu vợ về nhà mẹ vợ sống và vợ nghe lời nên vợ chồng cự cãi và đã về nhà cha mẹ vợ sống từ tháng 10/2021 đến nay. Nay chị D yêu cầu ly hôn anh không đồng ý, anh yêu cầu hàn gắn.

Xét thấy, hôn nhân gia đình được xây dựng trên nền tảng bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc; vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ. Tuy nhiên, quá trình chung sống anh chị lại phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm và đã không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Tuy anh U không đồng ý ly hôn nhưng anh không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, qua xác minh có cơ sở xác định trong quá trình chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường hay cãi vã. Điều đó cho thấy mối quan hệ hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân

không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho chị Nguyễn Thị Bé D được ly hôn với anh Nguyễn Văn Út.

[2] Về con chung: Chị D và anh U xác định giữa anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Tuyết Băng, sinh ngày 22/02/2018, hiện cháu đang sống với chị D. Khi ly hôn chị D và anh U đều có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”

Xét thấy cha mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Do chị D và anh U không thỏa thuận được việc nuôi con nên cần phải xem xét điều kiện nuôi con của anh chị. Xét về điều kiện kinh tế thì cả chị D và anh U đều đủ điều kiện để nuôi con (*chị D bán hàng qua mạng thu nhập khoảng 10.000.000 đến 15.000.000 đồng/tháng, còn anh U làm thuê thu nhập khoảng 200.000 đồng/ngày*). Về thời gian chăm sóc cho cháu Băng thấy rằng chị D có nhiều thời gian hơn anh U. Hơn nữa cháu Băng còn nhỏ lại là bé gái nên cần nhiều sự chăm sóc của người mẹ hơn. Đồng thời, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu Băng được chị D nuôi dưỡng, chăm sóc. Do đó, để tránh làm xáo trộn cuộc sống ổn định của cháu Băng cần thiết giao cháu cho chị D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh U không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu nhưng anh có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

[3] Về tài sản chung: Chị D và anh U không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Bé D chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ;

[5] Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên là có căn cứ và được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé D.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Bé D được ly hôn với anh Nguyễn Văn Út

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Tuyết Băng, sinh ngày 22/02/2018 cho chị Nguyễn Thị Bé D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh U không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu nhưng anh có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Bé D và anh Nguyễn Văn U không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Bé D có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch số tiền 300.000 đồng. Do chị D đã dự nộp số tiền 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005982 ngày 24 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nay chuyển thu toàn bộ số tiền trên thành án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- UBND xã VL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Văn Đẹp